

Số: 219/2021/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về ly hôn giữa:

+ **Nguyên đơn:** **Chị Chu Thị V**– sinh 1989

+ **Bị đơn:** **Anh Nguyễn T**– sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 13, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2021

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị V và anh Nguyễn T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chu Thị V và anh Nguyễn T thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Chị V và anh T có 01 con chung là Nguyễn Mai A, sinh ngày 02/7/2015. Các đương sự thống nhất: chị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Việc cấp

dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 5 năm 2021. Trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, các đương sự tự thỏa thuận về việc tính lãi suất. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh T chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Mức lãi suất do các đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung của vợ chồng: Không có

- Về án phí: Chị V tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004576 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- UBND phường HS, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An

